

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THUỐC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST

Ngày 23 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THUỐC – TỈNH THANH HÓA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Cao Xuân Bằng
2. Bà Lê Thị Hiền

Th- ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hải Vân, Th- ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện B T , tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B T tham gia phiên toà:

Ông Hà Văn Quyền: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B T, tỉnh Thanh Hóa; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/HSST ngày 04/01/2019.

Đối với các bị cáo:

1. Vũ Minh T Sinh năm 1981; Giới tính : Nam

Nơi c- trú: Phố 4, thị trấn C N, huyện B Tc, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hoá: 12/12.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vũ Anh D (đã chết) và bà Vũ Thị H (đã chết)

Bị cáo T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2018 đến nay.

Chưa có vợ con.

Gia đình có ba chị em bị cáo là con út

Tiền án : Không

Tiền sự : Không

Nhân thân: Tại bản án số 06/2005/HSST Ngày 26 tháng 04 năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện N C xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “ Gây rối trật tự công cộng”

Tại bản án số: 299/2006/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2006 bị Tòa án tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy” và tổng hợp hình phạt với bản án tù số: 06/2005/HSST đã cho hưởng án treo. Hình phạt tổng

hợp là tháng tù 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “ tội gây rối trật tự công cộng”

Phần án phí của bản án số: 299 đã chấp hành xong năm 2008, phần hình phạt của hai bản án chấp hành xong ngày 25/11/2012.

Ngày 13/8/2010 được miễn án phí của bản án 06/2005/HSST.

2.Lê Quốc Đ Sinh năm 1976; Giới tính : Nam

Nơi c- trú: Phố 2, xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: LĐTD; Trình độ văn hoá: 6/12.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lê Quốc Đ (đã chết) và bà Vũ Thị N (đã chết)

Bị cáo Đ tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2018 đến nay.

Chưa có vợ con.

Gia đình có hai người con bị cáo là con đầu.

Tiền án : Không

Tiền sự: có 02(hai) tiền sự :

- Ngày 10/5/2016 bị Công an huyện B T xử phạt hành chính về hành vi “ sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức phạt tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) chưa thi hành.

Ngày 20/6/2016 bị Công an huyện B T xử phạt hành chính về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy” bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) chưa thi hành.

Bị cáo Đ tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2018 đến nay.

Ng- ời bị hại :

1. Anh Trịnh Văn T sinh năm 1985(vắng mặt).

Nơi cư trú : Phố 1, xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

1. Anh Bùi Văn T sinh năm 1982(vắng mặt).

Nơi cư trú : Thôn T , xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Vũ Văn T sinh năm 1989(vắng mặt).

Nơi cư trú : Phố 4, thị trấn C N , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Anh Bùi Văn T sinh ngày 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú : Thôn T , xã L X , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đ- ợc tóm tắt nh- sau:

Ngày 31/10/2018 T mượn xe HONDA Wave màu đen-bạc BKS36B1-94044 của Vũ Văn T (anh trai) chở Đ đi chơi. Đến 2 giờ sáng ngày 01/11/2018 trên

đường quay về đến khu vực xưởng cán tôn nhà anh T ở phố 1, xã L X thấy có những tấm tôn xộp để cạnh lề đường. T rủ Đ lấy mang đi bán, Đ đồng ý. T và Đ lấy 14 tấm tôn xộp màu đỏ chở làm 03 chuyến, dịch chuyển bằng cách để các tấm tôn xộp lên yên xe, T điều khiển xe chở Đ ngồi phía sau giữ các tấm tôn mang lên nhà anh Bùi Văn T ở thôn T, xã L X. Khi bán các bị cáo nói là tôn làm nhà còn thừa. Đ và T bán cho anh T 14 tấm tôn được 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Anh T mua được tôn thì cất ở khu chuồng lợn nhà anh Bùi Văn T (em trai Tình) cùng thôn T, xã L X.

Ngày 02/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện B T đã lập biên bản tạm thu giữ 14 tấm tôn xộp, màu đỏ tại nhà anh Bùi Văn T. Thu giữ xe honda BKS: 36B1-940.44 để phục vụ điều tra.

Tại bản định giá ngày 06/11/2018 Hội đồng định giá UBND huyện B T đã kết luận 14 tấm tôn xộp màu đỏ, có diện tích là 46,872m² chưa qua sử dụng có giá trị 5.625.000đ.

Ngày 07/11/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B T đã trả xe honda Wave anpha BKS 36B1-940.44 cho chủ sở hữu là anh Vũ Văn T (anh trai bị cáo T) Và trả 14 tấm tôn cho người bị hại anh Trịnh Văn T, anh T không yêu cầu gì khác.

Trách nhiệm dân sự : Anh Bùi Văn T trình bày trong bản tự khai không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 700.000đ anh T đã bỏ ra mua 14 tấm tôn xộp màu đỏ.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKSBT-KT ngày 03/01/2019 VKSND huyện B T đã truy tố các bị cáo về tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Minh T khai nhận hành vi phạm tội như đã truy tố và nói lời sau cùng “ không còn gì để nói”. Bị cáo Lê Quốc Đ tại phiên tòa thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tỏ ra rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, bị cáo đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS tuyên bố các bị cáo Vũ Minh T và Lê Quốc Đ phạm tội “ trộm cắp tài sản”. Đề nghị cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 17 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Minh T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quốc Đ từ 16 tháng tù đến 18 tháng tù.

Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo nên đề nghị HĐXX không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo HĐXX nhận định như sau;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện các hành vi tố tụng và ban hành các Quyết định tố tụng đúng, đủ, chính xác về thẩm quyền, trình tự tố tụng theo quy định của BLTTHS năm 2015.

[2.] Về nội dung vụ án: Có căn cứ xác định sáng ngày 01/11/2018 Vũ Minh T và Lê Quốc Đ đã có hành vi lén lút dịch chuyển tài sản của người khác ra khỏi nơi cất dấu gồm 14 tấm tôn xộp màu đỏ trị giá 5.625.000đ mang đi bán được 700.000đ lấy tiền tiêu xài. Đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vũ Minh T và Lê Quốc Đ phạm tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173BLHS.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện B T truy tố các bị cáo Vũ Minh T và Lê Quốc Đ về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Nhận định về tư cách tham gia tố tụng và vai trò các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Vũ Minh T là người khởi xướng và Lê Quốc Đ đã đồng tình cùng thực hiện hành vi lén lút dịch chuyển tài sản của người khác ra khỏi nơi cất dấu. Đạo đã cùng tham gia giúp sức tích cực cho bị cáo T trong quá trình dịch chuyển tài sản ra khỏi nơi cất dấu và cùng mang đi bán, cùng nhau hưởng thụ. Bị cáo T giữ vai trò khởi xướng nên khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ cân nhắc hình phạt đối với T nghiêm khắc hơn với

Đối với anh Trịnh Văn T là người bị mất tài sản nên tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại. Anh T vì không biết tài sản trộm cắp nên đã mua 14 tấm tôn của các bị cáo. Khi bị cáo T hỏi anh T mượn xe nói là đi chơi, anh T không biết việc bị cáo đã dùng xe để trộm cắp nên anh T và anh T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi mua các tấm tôn của các bị cáo anh T cất ở phía sau vườn của gia đình anh T, anh T không biết việc mua bán giữa các bên nên anh T tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Quá trình điều tra truy tố bị cáo Vũ Minh T đều đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lê Quốc Đ khai nhận thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi của mình đây là hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS.

HĐXX xét thấy bị cáo T đã có hai lần bị xét xử về tội “gây rối trật tự công cộng và tội “tàng trữ trái phép chấp ma túy”. Sau khi chấp hành xong toàn bộ các bản án đã được xóa án tích nhưng lại phạm tội và bị đưa ra xét xử. Đối với bị cáo Đ

có hai tiền sự chưa chấp hành lại phạm tội nên cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ để các bị cáo cải tạo trở thành người tốt.

Về hình phạt bổ sung : Các bị cáo đều thuộc diện nghèo và cận nghèo, không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã trả lại cho người bị hại là anh T. Xe máy đã trả lại cho anh T. Anh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường 700.000đ đã bỏ ra mua 14 tấm tôn, không ai yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng: Các tài sản trộm cắp sau khi thu hồi được, cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật,

Về án phí : Mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Minh T và Lê Quốc Đ phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 58 ; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 ; khoản 1 Điều 17 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T 18 (mười tám) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/11/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 17 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc Đ 16 (mười sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/11/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 và mục 1 phần I Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết 326/2016/PL-UBTVQH14

Bị cáo Vũ Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Quốc Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm có mặt các bị cáo, vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận án sơ thẩm hoặc ngày niêm yết án sơ thẩm tại nơi cư trú sinh sống của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- THA Dân sự;
- Phòng giám đốc án ;
- Công an ;
- bị cáo,...;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THỘM PHỎN - CHỖ TOÁN PHỎN TOÀN

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hiền

Cao Xuân Bằng

Trần Thị Quyên